

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ KIẾN  
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN  
(Tính đến ngày 05/09/2021)**

**Khoa:                      Design**

*Số ngày CTXH phải hoàn thành: 15*

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
1	DH91801091	Lưu Thị Lý	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D18_TK2TT
2	DH91800490	Đỗ Thị Mỹ Phương	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D18_TK2TT
3	DH91800134	Lê Thị Thìn	16.5	12	-	-	-	4.5	-	-	0	D18_TK2TT
4	DH91800919	Nguyễn Thị Thanh Trúc	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_TK2TT
1	DH91803832	Bùi Thị Loan Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
2	DH91804319	Nguyễn Thanh Bình	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TK3DH
3	DH91709024	Trần Hùng Chiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
4	DH91702881	Võ Thành Công	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
5	DH91802985	Lê Hồng Cường	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_TK3DH
6	DH91804394	Phạm Ngọc Diệu	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TK3DH
7	DH91804667	Nguyễn Ngọc Hạnh	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TK3DH
8	DH91804659	Phạm Thanh Hằng	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TK3DH
9	DH91800750	Diệp Gia Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
10	DH91801313	Phạm Lê Gia Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
11	DH91800837	Trần Quốc Hoàn	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D18_TK3DH
12	DH91804704	Trần Minh Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
13	DH91804734	Trần Đức Anh Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
14	DH91804780	Đồng Nhật Huyền	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TK3DH
15	DH91800689	Nguyễn Trần Điện Hy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
16	DH91800713	Trần Mộng Kha	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D18_TK3DH
17	DH91806277	Trần Quốc Khải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
18	DH91802451	Phạm Duy Khánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
19	DH91805003	Đình Hoàng Lĩnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
20	DH91803664	Trần Quốc Long	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D18_TK3DH
21	DH91801753	Phan Nhật Nam	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TK3DH
22	DH91800194	Huỳnh Bảo Nghi	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TK3DH
23	DH91702807	Nguyễn Thùy Như Ngọc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TK3DH
24	DH91801055	Trần Hạnh Nguyên	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D18_TK3DH

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
25	DH91801170	Nguyễn Thanh Nhã	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0	D18_TK3DH
26	DH91800351	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
27	DH91801918	Chung Tiến Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
28	DH91800110	Hoàng Phong	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
29	DH91803918	Phạm Nguyễn Huy Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
30	DH91803856	Nguyễn Văn Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
31	DH91805484	Nguyễn Thị Hồng Sơn	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_TK3DH
32	DH91803827	Huỳnh Thái Thạch	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
33	DH91805557	Nguyễn Kim Ngọc Thành	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TK3DH
34	DH91803235	Trần Trung Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
35	DH91806225	Trương Trần Ngọc Thảo	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TK3DH
36	DH91709014	Lê Anh Đức Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
37	DH91805657	Lê Trí Thông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
38	DH91805678	Nguyễn Thanh Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
39	DH91701390	Lê Vĩnh Tín	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TK3DH
40	DH91803001	Lê Ngọc Trân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
41	DH91800239	Nguyễn Phát Triển	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
42	DH91800654	Nguyễn Long Triều	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_TK3DH
43	DH91805974	Nguyễn Thị Vi Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
44	DH91800116	Lương Hàn Uyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
45	DH91702889	Lâm Hoàng Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
46	DH91802059	Quách Phú Vinh	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TK3DH
47	DH91806105	Hồ Thị Mai Xuân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK3DH
1	DH91800903	Nguyễn Trường An	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TK4NT
2	DH91803390	Nguyễn Thảo Duyên	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TK4NT
3	DH91804529	Nguyễn Thành Đạt	14.5	14.5	-	-	-	-	-	-	0.5	D18_TK4NT
4	DH91804575	Lưu Thanh Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK4NT
5	DH91802748	Đào Thái Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK4NT
6	DH91804757	Nguyễn Kim Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK4NT
7	DH91703661	Đỗ Thành Long	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TK4NT
8	DH91801667	Nguyễn Tổng Xuân Mãi	18	-	-	-	-	18	-	-	0	D18_TK4NT
9	DH91802719	Nguyễn Huỳnh Nga	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TK4NT
10	DH91801212	Nguyễn Thị Ngoan	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK4NT
11	DH91700341	Phạm Minh Ngọc	22	22	-	-	-	-	-	-	0	D18_TK4NT

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
12	DH91800477	Nguyễn Thành Tâm	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TK4NT
13	DH91802524	Nguyễn Hoàng Minh Tân	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TK4NT
14	DH91805645	Phạm Hồ Phương Thảo	15	15	-	-	-	-	-	-	0	D18_TK4NT
15	DH91805959	Nguyễn Mạnh Tùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TK4NT
1	DH91902778	Trương Đình Ân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK1TD
2	DH91900198	Lê Ngọc Hải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK1TD
3	DH91901094	Lưu Dương Lý	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK1TD
4	DH91904196	Nguyễn Thị Huỳnh Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK1TD
5	DH91904313	Hà Minh Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK1TD
1	DH91903473	Lê Ti Gôn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK2TT
2	DH91903681	Phan Văn Quốc Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK2TT
3	DH91900058	Lê Phạm Thanh Loan	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK2TT
4	DH91905448	Huỳnh Thuận Nhơn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK2TT
1	DH91902339	Võ Duy Dương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
2	DH91905315	Nguyễn Tấn Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
3	DH91903548	Nguyễn Văn Hậu	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TK3DH
4	DH91901372	Bùi Phan Phụng Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
5	DH91905593	Phạm Vũ Phú Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
6	DH91903655	Huỳnh Quang Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
7	DH91904082	Trần Trung Nghiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
8	DH91904106	Nguyễn Khôi Nguyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
9	DH91904167	Nguyễn Thảo Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
10	DH91904286	Nguyễn Mai Phương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TK3DH
11	DH91901338	Nguyễn Hồng Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
12	DH91901448	Lê Như Quỳnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
13	DH91801207	Phan Kim Thoại	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
14	DH91904805	Trần Tuấn Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
15	DH91900800	Nguyễn Phương Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
16	DH91902708	Đỗ Thị Thanh Vân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
17	DH91900033	Hồ Nguyễn Huy Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
18	DH91905102	Ng Trần Hoàng Trúc Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK3DH
1	DH91902699	Hồ Nguyễn Mỹ An	1	-	-	-	1	-	-	-	14	D19_TK4NT
2	DH91905622	Lưu Đức Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK4NT
3	DH91905262	Lý Ngọc Hân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TK4NT

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
4	DH91905583	Hoàng Ngọc Bảo Khánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TK4NT
5	DH91905591	Đoàn Tuấn Việt	122	-	-	-	-	-	122	-	0	D19_TK4NT
1	DH92006961	Vũ Thị Yên Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK1TD
2	DH92001549	Tô Nguyễn Hoàng Khải Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK1TD
3	DH92004064	Phan Kiện Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK1TD
4	DH92003411	Nguyễn Minh Hiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK1TD
5	DH92002504	Tô Thị Mỹ Huyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK1TD
6	DH92005095	Nguyễn Đình Kỳ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK1TD
1	DH92003595	Lương Hoàng Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK2TT
2	DH92001137	Hồ Trương Quốc Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK2TT
3	DH92007206	Nguyễn Tấn Hoàng Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK2TT
4	DH92000551	Phạm Lê Hoàng Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK2TT
1	DH92003758	Nguyễn Thanh An	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D20_TK3DH
2	DH92004234	Tý Thiều Thuận An	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TK3DH
3	DH92003267	Lương Quốc Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
4	DH92004769	Nguyễn Ngọc Minh Anh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TK3DH
5	DH92002704	Nguyễn Hoàng Bích	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D20_TK3DH
6	DH92003590	Nguyễn Thọ Danh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TK3DH
7	DH92004479	Nguyễn Hữu Hoàng Duy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TK3DH
8	DH92002428	Trương Lâm Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
9	DH92002503	Nguyễn Thị Thùy Duyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
10	DH92004730	Lê Tiến Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
11	DH92001095	Trần Ngọc Đăng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
12	DH92004622	Nguyễn Huỳnh Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
13	DH92004229	Lâm Kim Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
14	DH92003546	Lương Quốc Huy	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TK3DH
15	DH92001810	Nguyễn Đức Huy	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TK3DH
16	DH92002174	Trần Quốc Kha	9.5	-	-	-	-	9.5	-	-	5.5	D20_TK3DH
17	DH92005098	Vũ Đình Khánh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TK3DH
18	DH92000594	Nguyễn Hữu Anh Khoa	11.5	-	-	-	-	11.5	-	-	3.5	D20_TK3DH
19	DH92001967	Bùi Duy Khương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TK3DH
20	DH92001960	Nguyễn Thành Lâm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TK3DH
21	DH92005101	Ngô Thị Mỹ Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
22	DH92006577	Nguyễn Huỳnh Long	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TK3DH

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
23	DH92003044	Nguyễn Thành Luân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
24	DH92001441	Nguyễn Hà Phương Ly	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
25	DH92001839	Nguyễn Thị Trà My	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
26	DH92003926	Đỗ Trọng Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
27	DH92004200	Thái Hồng Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
28	DH92000862	Phan Thành Nghiệp	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
29	DH92005113	Tô Hoài Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
30	DH92004846	Trần Hoài Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
31	DH92003983	Lê Tấn Phước	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D20_TK3DH
32	DH91902394	Trần Thanh Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
33	DH92005122	Trần Văn Quân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TK3DH
34	DH92004475	Nguyễn Hoàng Sang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
35	DH92004025	Ngô Chí Tài	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TK3DH
36	DH92004800	Bùi Doãn Phương Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
37	DH92001836	Nguyễn Thị Hồng Thắm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
38	DH92002387	Lê Việt Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
39	DH92004723	Lê Hồng Thơm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
40	DH92000017	Phạm Thị Kim Thùy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
41	DH92003307	Nguyễn Thị Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
42	DH92005148	Lê Thị Ngọc Trâm	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TK3DH
43	DH92003492	Nguyễn Ngọc Trâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
44	DH92001853	Hồ Văn Tuấn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TK3DH
45	DH92006144	Trần Anh Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
46	DH92005153	Võ Thanh Vân	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TK3DH
47	DH92002230	Nguyễn Đỗ Tường Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
48	DH92001837	Phan Trần Khánh Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
49	DH92003219	Trần Thị Thảo Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK3DH
1	DH92004421	Trâm Thị Lan Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
2	DH92004360	Nguyễn Lê Hoàng ánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
3	DH92002213	Đặng Quốc Danh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
4	DH92007407	Lê Huỳnh Thành Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
5	DH92006580	Võ Thị Đông Giang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
6	DH92001058	Phạm Thị Kim Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
7	DH92002253	Cao Quang Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
8	DH92002228	Phạm Thị Mỹ Huyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
9	DH92007112	Nguyễn Võ Anh Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
10	DH92004815	Trần Thị Phương Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
11	DH92002014	Lê Anh Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
12	DH92004304	Ninh Lê Minh Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
13	DH92002271	Bùi Chiến Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
14	DH92001579	Huỳnh Quang Thoại	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
15	DH92001276	Huỳnh Cẩm Thu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
16	DH92000010	Đoàn Minh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
17	DH92004233	Lê Hoàng Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
18	DH92000985	Nguyễn Tiến Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
19	DH92004429	Phạm Thế Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
20	DH92004715	Nguyễn Trọng Vĩnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT
21	DH92004823	Đào Thế Vỹ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TK4NT

Tổng số SV: **178**

Đã hoàn thành: **14**

Chưa hoàn thành: **164**

**\*Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

**Người lập bảng**

(Đã ký)

**KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2022*

**Phụ trách phòng công tác Sinh viên**

(Đã ký)

**ThS. Lê Thị Phương Hằng**